

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về Quản lý, kết nối và chia sẻ cơ sở dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2025/TT-BNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 613/TTr-SNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025;

Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 02 năm 2026 và thay thế Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu và các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ NN&MT;
- Vụ Pháp chế - Bộ NN&MT;
- Cục Kiểm tra VB&Quản lý XLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND TP;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- UBNDTTQVN thành phố và các hội, đoàn thể TP;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các phường, xã, đặc khu;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT, ĐTĐT, SNNMT.

15/

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KI CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Thái Bình



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu
nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 12 /2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo; phát triển nông thôn; đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo; viễn thám (sau đây gọi là thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường).

b) Cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

c) Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Quy chế này không áp dụng đối với thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước ngành nông nghiệp và môi trường. Việc chia sẻ thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Quy chế này áp dụng đối với cơ quan quản lý Nhà nước về nông nghiệp và môi trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

c) Các nội dung không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

Thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường phải là các thông tin, dữ liệu, hồ sơ, tài liệu được thu nhận và lưu trữ theo đúng quy định. Thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường bao gồm các thông tin, dữ liệu được quy định tại khoản 1, Điều 3 Thông tư 02/2025/TT-BNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (sau đây viết tắt là Thông tư số 02/2025/TT-BNNMT).

Điều 3. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

Việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường phải tuân thủ theo các nguyên tắc được quy định tại Điều 5 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (sau đây viết tắt là Nghị định số 73/2017/NĐ-CP).

Điều 4. Sự tham gia của các tổ chức cá nhân

Sự tham gia của các tổ chức, cá nhân được quy định tại Điều 6 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 5. Kinh phí thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường, xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về nông nghiệp và môi trường do nhà nước quản lý được ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định của pháp luật.

2. Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các đơn vị có liên quan lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

3. Phí khai thác thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường thực hiện theo quy định pháp luật về phí và lệ phí và các quy định khác có liên quan.

Chương II

THU THẬP THÔNG TIN, DỮ LIỆU NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 6. Lập, phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường; thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Nguyên tắc lập kế hoạch thu nhận thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT).

2. Căn cứ lập kế hoạch và các nội dung cơ bản của kế hoạch thu nhận thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 10 Quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

Điều 7. Thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường; thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường; thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường hàng năm.

2. Quy trình thu thập thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường: Thực hiện theo quy định tại Điều 29 Quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

3. Quy trình tiếp nhận thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường: Thực hiện theo Điều 30 Quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

4. Các cơ quan đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường có trách nhiệm cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

5. Việc thu thập thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường thuộc danh mục tài liệu bí mật nhà nước phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 8. Hình thức và thời gian thu nhận thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Hình thức thu nhận thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

2. Giao nộp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thông tin dữ liệu nông nghiệp và môi trường được thu nhận, tạo lập bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc tạo ra trong quá trình hoạt động thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm giao nộp cho các cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường theo quy định của pháp luật.

b) Thông tin, dữ liệu giao nộp phải là các bản chính, bản gốc; trong trường hợp không còn bản chính, bản gốc thì được thay thế bằng bản sao hợp pháp.

Thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường khi giao nhận phải được lập thành biên bản theo Mẫu BM.01 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT và lưu vào hồ sơ theo quy định.

Phiếu nhập kho sản phẩm thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường là tài liệu bắt buộc trong hồ sơ phê duyệt quyết toán, hoàn thành nhiệm vụ, dự án theo quy định.

c) Thời gian thực hiện giao nộp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

Cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thực hiện nhiệm vụ, dự án về nông nghiệp và môi trường trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu, phê duyệt, công bố hoặc công nhận kết quả hoàn thành nhiệm vụ, dự án có trách nhiệm giao nộp một (01) bộ dạng điện tử và một (01) bộ gốc in trên giấy để lưu trữ theo đúng chuẩn thông tin, dữ liệu chuyên môn được Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định.

Thông tin, dữ liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của cơ quan, tổ chức: Trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày công việc kết thúc; trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày công trình được quyết toán đối với hồ sơ, tài liệu xây dựng cơ bản. Trường hợp có quy định khác thực hiện theo quy định của cơ quan Trung ương chuyên ngành.

Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu giữ lại thông tin, dữ liệu đã đến hạn giao nộp để phục vụ cho công việc thì phải được người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý dữ liệu đồng ý và lập danh mục thông tin, dữ liệu giữ lại gửi cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu. Thời gian giữ lại không vượt quá 02 năm kể từ ngày đến hạn giao nộp.

3. Thu thập thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

a) Thu thập, cập nhật dữ liệu đặc tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường tại các cơ quan, tổ chức đang lưu trữ, bảo quản.

b) Nội dung dữ liệu đặc tả quy định chi tiết tại Mục 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

Điều 9. Kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu

1. Thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, đánh giá, xử lý. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu phải tuân theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Trung tâm Quản lý Dữ liệu nông nghiệp và môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu nông nghiệp và môi trường cấp thành phố.

3. Các Sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu nông nghiệp và môi trường của mình quản lý.

4. UBND cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu nông nghiệp và môi trường cấp xã.

Chương III TỔ CHỨC, QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 10. Bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Công tác bảo quản, lưu trữ và tu bổ thực hiện theo đúng quy định tại Luật lưu trữ và các văn bản hướng dẫn nhằm tạo ra các điều kiện tốt nhất để bảo đảm an toàn và kéo dài tuổi thọ cho tài liệu, nhằm phục vụ được tốt các yêu cầu khai thác, sử dụng tài liệu.

2. Trung tâm Quản lý Dữ liệu nông nghiệp và môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản, tu bổ, cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị quản lý thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn mình quản lý.

Điều 11. Xây dựng cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường

Xây dựng cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 12. Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường

Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 13. Bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin

Bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin nông nghiệp và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 14. Quản lý tài liệu lưu trữ điện tử về nông nghiệp và môi trường

Việc quản lý tài liệu lưu trữ điện tử về nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thực hiện theo quy định tại Chương III, Phần II, Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

Điều 15. Thời hạn lưu giữ, bảo quản dữ liệu

1. Thời hạn lưu giữ, bảo quản thông tin, dữ liệu được xác lập đối với từng loại thông tin, dữ liệu theo quy định tại Thông tư 02/2025/TT-BNNMT và các quy định khác của pháp luật hiện hành về lưu trữ.

2. Cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu có trách nhiệm thống kê các loại thông tin, dữ liệu hết giá trị sử dụng trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết tiêu hủy thông tin, dữ liệu. Việc tiêu hủy thông tin, dữ liệu hết giá trị được thực hiện theo quy định của Luật Lưu trữ và các quy định chuyên ngành.

Chương IV

**KHAİ THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU
NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Điều 16. Công bố danh mục thông tin dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Danh mục thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường, nhằm phục vụ cho cộng đồng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố công bố danh mục thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố.

Điều 17. Hình thức cung cấp, khai thác thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường thực hiện theo các quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP và Điều 28 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

Điều 18. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP và Điều 56 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

Chương V

KẾT NỐI CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Điều 19. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường giữa các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã

Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 20. Phối hợp kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc xây dựng quy trình, quy định kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên môi trường điện tử.

2. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu trong phạm vi quản lý liên quan đến thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường có trách nhiệm kết nối, chia sẻ, thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên môi trường điện tử theo quy định của pháp luật.

Chương VI
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG
VIỆC THU THẬP, QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN,
DỮ LIỆU NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 21. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Ủy ban nhân dân thành phố

a) Là cơ quan tổ chức, chỉ đạo các cơ quan quản lý thực hiện thu thập, quản lý, lưu trữ, cung cấp và sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường ở địa phương.

b) Thực hiện các quy định tại Điều 27 Nghị định 73/2017/NĐ-CP và Điều 53 Thông tư 03/2022/TT-BTNMT.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tham mưu giúp UBND thành phố thực hiện quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, lưu trữ, cung cấp và sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường ở địa phương.

b) Hàng năm, chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã lập và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố.

c) Chỉ đạo Trung tâm Quản lý Dữ liệu nông nghiệp và môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện thu thập, đánh giá, quản lý, lưu trữ, công bố, khai thác và sử dụng thông tin dữ liệu nông nghiệp và môi trường; Tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; Xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu, cổng thông tin nông nghiệp và môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

d) Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

đ) Lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường tại Trung tâm Quản lý Dữ liệu nông nghiệp và môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

e) Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

g) Lập và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt danh mục thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường của tỉnh và tổ chức công bố trên các phương

tiện thông tin đại chúng, trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố và trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

h) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn các cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường đảm bảo an toàn, an ninh hệ thống thông tin nông nghiệp và môi trường.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin để hỗ trợ quản lý, duy trì, lưu trữ cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường hoạt động liên tục, hiệu quả.

4. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất kinh phí của Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan đơn vị có liên quan, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn quản lý hàng năm.

b) Chỉ đạo Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn quản lý; cung cấp dữ liệu nông nghiệp và môi trường cho Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

6. Các Sở, ban, ngành

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường lập kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố trong lĩnh vực phụ trách; giao nộp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Trung tâm Quản lý Dữ liệu nông nghiệp và môi trường) 01 (một) bộ dữ liệu liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp và môi trường đúng theo chuẩn dữ liệu chuyên môn đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành.

Điều 22. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

1. Thông báo với cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường về việc cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường được phân cấp tại quy chế này theo mẫu số 01 tại Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật về thu thập, tạo lập và cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng.

3. Bảo đảm tính trung thực, chính xác của thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

4. Không được chuyển thông tin, dữ liệu, tài liệu cho bên thứ ba sử dụng trừ trường hợp được thỏa thuận bằng văn bản với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu.

5. Thông báo kịp thời về những sai sót (nếu có) của thông tin, dữ liệu cho cơ quan quản lý.

6. Định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường cho cơ quan quản lý dữ liệu theo phân cấp.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với nhiệm vụ, dự án, đề án, đề tài, chương trình đã hoàn thành nhưng chưa được kiểm tra, nghiệm thu hoặc đang triển khai thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc tạo ra trong quá trình hoạt động thì tổ chức, cá nhân thực hiện phải xem xét điều kiện, điều chỉnh nội dung để tổ chức thực hiện các công việc theo quy định của Nghị định số 73/2017/NĐ-CP, Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT, Thông tư 02/2025/TT-BNNMT và Quy chế này.

Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.